

BỘ TÀI CHÍNH**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 05/2015/TT-BTC

Hà Nội, ngày 15 tháng 01 năm 2015

THÔNG TƯ**Hướng dẫn hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ
và thanh toán giao dịch chứng khoán**

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Xét đề nghị của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán.

Chương I**QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Thông tư này quy định về hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

2. Đối tượng áp dụng Thông tư này bao gồm: Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (sau đây viết tắt là VSD), thành viên lưu ký, tổ chức mở tài khoản trực tiếp, tổ chức phát hành, ngân hàng thanh toán và các khách hàng đăng ký, lưu ký, thanh toán giao dịch chứng khoán.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Chứng khoán chứng chỉ* là chứng khoán được phát hành dưới hình thức chứng chỉ vật chất. Thông tin về việc sở hữu hợp pháp của người sở hữu chứng khoán được ghi nhận trên chứng chỉ chứng khoán.

2. *Chứng khoán ghi sổ* là chứng khoán được phát hành dưới hình thức bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử. Thông tin về việc sở hữu hợp pháp của người sở hữu chứng khoán ghi sổ được ghi nhận trên sổ đăng ký người sở hữu chứng khoán.

3. *Sổ đăng ký người sở hữu chứng khoán (hay sổ đăng ký chứng khoán)* là sổ ghi chép thông tin về người sở hữu chứng khoán do tổ chức phát hành lập khi nộp hồ sơ đăng ký chứng khoán tại VSD và sổ do VSD lập khi quản lý chứng khoán đã đăng ký.

4. *Người sở hữu chứng khoán* là người có tên trên sổ đăng ký người sở hữu chứng khoán tại VSD.

5. *Giấy chứng nhận/Sổ chứng nhận sở hữu chứng khoán* là văn bản do tổ chức phát hành hoặc tổ chức được tổ chức phát hành ủy quyền cấp cho người sở hữu chứng khoán ghi sổ để xác nhận thông tin về việc sở hữu chứng khoán tại một thời điểm nhất định.

6. *Ngày đăng ký cuối cùng* là ngày VSD xác lập danh sách người sở hữu chứng khoán được hưởng quyền phù hợp với quy định của pháp luật.

7. *Thành viên lưu ký* là công ty chứng khoán, ngân hàng thương mại hoạt động tại Việt Nam được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (sau đây viết tắt là UBCKNN) cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán và được VSD chấp thuận trở thành thành viên lưu ký.

8. *Tổ chức mở tài khoản trực tiếp* là tổ chức mở tài khoản lưu ký chứng khoán trực tiếp tại VSD và sử dụng các dịch vụ lưu ký, thanh toán bù trừ của VSD trên cơ sở hợp đồng cung cấp dịch vụ với VSD.

9. *Bù trừ đa phương* là phương thức bù trừ các giao dịch chứng khoán được khớp trong cùng ngày giữa tất cả các bên tham gia giao dịch theo từng loại chứng khoán để xác định nghĩa vụ thanh toán ròng của mỗi bên thanh toán.

10. *Nghĩa vụ thanh toán ròng* là số tiền, chứng khoán mà bên thanh toán giao dịch có nghĩa vụ phải thanh toán thực căn cứ vào kết quả bù trừ đa phương.

11. *Thanh toán trực tiếp qua VSD* là phương thức thanh toán tiền và chứng khoán được thực hiện trực tiếp giữa các bên tham gia giao dịch thông qua VSD.

12. *Ký gửi chứng khoán* là việc đưa chứng khoán vào lưu giữ tập trung tại VSD để thực hiện giao dịch.

13. *Giấy tờ có giá* là các loại giấy tờ có giá theo quy định của pháp luật về ngân hàng được sử dụng trong các nghiệp vụ thị trường tiền tệ giữa Ngân hàng Nhà nước với các khách hàng lưu ký.

14. *Ngân hàng thanh toán* là ngân hàng thương mại được UBCKNN lựa chọn phục vụ cho hoạt động thanh toán tiền các giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán (sau đây viết tắt là SGDC) và cho các hoạt động thanh toán khác.

15. *Hồ sơ hợp lệ* là hồ sơ có đầy đủ giấy tờ và có nội dung kê khai đầy đủ theo quy định.

Chương II

ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG LƯU KÝ CHỨNG KHOÁN

Điều 3. Điều kiện đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán

Điều kiện đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán thực hiện theo quy định tại Điều 48 Luật chứng khoán.

Điều 4. Hồ sơ đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán, chi nhánh hoạt động lưu ký chứng khoán

1. Hồ sơ đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán của công ty chứng khoán, ngân hàng thương mại bao gồm:

- a) Giấy đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán (Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này);
- b) Bản sao Giấy phép thành lập và hoạt động;
- c) Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, kỹ thuật bảo đảm thực hiện hoạt động lưu ký chứng khoán (Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này);
- d) Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của năm gần nhất, trừ trường hợp công ty chứng khoán, ngân hàng thương mại mới thành lập.

2. Sau khi được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán, công ty chứng khoán, ngân hàng thương mại được đăng ký cho một (01) hoặc một số chi nhánh của mình thực hiện hoạt động lưu ký chứng khoán. Hồ sơ đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán cho chi nhánh công ty chứng khoán, chi nhánh ngân hàng thương mại bao gồm:

- a) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán do UBCKNN cấp cho công ty chứng khoán, ngân hàng thương mại;
- b) Giấy đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán cho chi nhánh (Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này);
- c) Bản thuyết minh về cơ sở vật chất kỹ thuật bảo đảm thực hiện hoạt động lưu ký chứng khoán tại chi nhánh (Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này);
- d) Giấy ủy quyền cho chi nhánh thực hiện hoạt động lưu ký chứng khoán (Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này).

Điều 5. Trình tự, thủ tục đăng ký và triển khai hoạt động lưu ký chứng khoán

1. Hồ sơ theo quy định tại Điều 4 Thông tư này được lập thành một (01) bộ hồ sơ gốc và nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện cho UBCKNN.

2. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán cho công ty chứng khoán, ngân hàng thương mại. Trường hợp từ chối, UBCKNN phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

3. Trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, UBCKNN cấp Quyết định chấp thuận cho chi nhánh công ty chứng khoán, chi nhánh ngân hàng thương mại được thực hiện hoạt động lưu ký chứng khoán. Trường hợp từ chối, UBCKNN phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

4. Trong thời hạn mười hai (12) tháng, kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán, công ty chứng khoán, ngân hàng thương mại phải làm thủ tục đăng ký thành viên lưu ký tại VSD và tiến hành hoạt động.

5. Trong thời hạn ba (03) tháng, kể từ ngày chi nhánh được cấp Quyết định chấp thuận thực hiện hoạt động lưu ký chứng khoán, công ty chứng khoán, ngân hàng thương mại phải làm thủ tục đăng ký chi nhánh hoạt động lưu ký với VSD.

Điều 6. Đình chỉ, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán, chấm dứt hoạt động lưu ký chứng khoán của chi nhánh công ty chứng khoán, chi nhánh ngân hàng thương mại

1. UBCKNN đình chỉ, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán của công ty chứng khoán, ngân hàng thương mại theo quy định tại Điều 51 Luật chứng khoán.

2. UBCKNN chấm dứt hoạt động lưu ký chứng khoán của chi nhánh công ty chứng khoán, chi nhánh ngân hàng thương mại trong các trường hợp sau:

a) Công ty chứng khoán, ngân hàng thương mại bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán do UBCKNN cấp;

b) Công ty chứng khoán, ngân hàng thương mại không làm thủ tục đăng ký chi nhánh hoạt động lưu ký tại VSD theo quy định tại Khoản 5 Điều 5 Thông tư này;

c) Công ty chứng khoán, ngân hàng thương mại tự nguyện chấm dứt hoạt động lưu ký chứng khoán tại chi nhánh;

d) Chi nhánh bị thu hồi Giấy chứng nhận chi nhánh hoạt động lưu ký do VSD cấp;

e) Chi nhánh chấm dứt hoạt động.

3. Công ty chứng khoán, ngân hàng thương mại chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với khách hàng, nhà đầu tư trong trường hợp chi nhánh bị chấm dứt hoạt động lưu ký chứng khoán.

Chương III
THÀNH VIÊN LƯU KÝ
VÀ TỔ CHỨC MỞ TÀI KHOẢN TRỰC TIẾP TẠI VSD

Điều 7. Đăng ký làm thành viên lưu ký của VSD

1. Công ty chứng khoán, ngân hàng thương mại đăng ký làm thành viên lưu ký của VSD phải đáp ứng các điều kiện sau:

- a) Có Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán do UBCKNN cấp;
- b) Có tối thiểu một (01) thành viên Ban Giám đốc được phân công phụ trách hoạt động đăng ký, lưu ký, thanh toán bù trừ;
- c) Có nhân viên làm việc tại bộ phận nghiệp vụ lưu ký đã hoàn thành khóa học nghiệp vụ của VSD;
- d) Có quy trình nghiệp vụ đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và các quy chế hoạt động nghiệp vụ của VSD;
- đ) Hệ thống phần mềm nghiệp vụ đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán có khả năng kết nối với cổng giao tiếp điện tử hoặc cổng giao tiếp trực tuyến của VSD và phần mềm quản lý hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và các quy chế hoạt động nghiệp vụ của VSD.

2. Thành viên lưu ký được đăng ký cung cấp dịch vụ lưu ký chứng khoán cho chi nhánh của mình. Điều kiện đăng ký bao gồm:

- a) Các điều kiện quy định tại Điểm b, c, d và đ Khoản 1 Điều này;
- b) Có Quyết định chấp thuận cho chi nhánh thực hiện hoạt động lưu ký chứng khoán do UBCKNN cấp cho chi nhánh.

3. VSD hướng dẫn trình tự, thủ tục đăng ký và cấp Giấy chứng nhận thành viên lưu ký, Giấy chứng nhận chi nhánh hoạt động lưu ký.

Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của thành viên lưu ký

1. Tuân thủ các quyền và nghĩa vụ quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều 47 Luật chứng khoán.

2. Có các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật và quy chế của VSD.

Điều 9. Xử lý vi phạm của VSD đối với thành viên lưu ký

1. VSD được áp dụng các hình thức xử lý vi phạm sau đây đối với thành viên lưu ký không tuân thủ đúng quy định tại các quy chế hướng dẫn hoạt động nghiệp vụ của VSD:

- a) Công văn nhắc nhở;
- b) Khiển trách;
- c) Đình chỉ hoạt động của thành viên lưu ký;
- d) Thu hồi Giấy chứng nhận thành viên lưu ký, Giấy chứng nhận chi nhánh hoạt động lưu ký.

2. VSD quy định cụ thể các hành vi vi phạm, trình tự, thủ tục xử lý vi phạm của thành viên lưu ký.

Điều 10. Đình chỉ hoạt động của thành viên lưu ký

1. Đình chỉ hoạt động của thành viên lưu ký bao gồm:

- a) Đình chỉ hoạt động lưu ký chứng khoán;
- b) Đình chỉ hoạt động bù trừ và thanh toán chứng khoán.

2. VSD ra quyết định đình chỉ hoạt động của thành viên lưu ký sau khi được UBCKNN chấp thuận trong các trường hợp sau:

- a) Thường xuyên vi phạm nghĩa vụ của thành viên lưu ký do VSD quy định;
- b) Để xảy ra thiếu sót gây tổn thất nghiêm trọng cho khách hàng.

3. Thời gian thành viên lưu ký bị đình chỉ hoạt động tối đa là chín mươi (90) ngày kể từ ngày ra quyết định đình chỉ.

Điều 11. Thu hồi Giấy chứng nhận thành viên lưu ký

1. VSD thu hồi Giấy chứng nhận thành viên lưu ký trong các trường hợp sau:

- a) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán theo quy định tại Khoản 2 Điều 51 Luật chứng khoán;
- b) Bị UBCKNN rút nghiệp vụ môi giới chứng khoán;
- c) Không duy trì được các điều kiện đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán theo quy định tại Điều 48 Luật chứng khoán;
- d) Vi phạm nghiêm trọng các quy định về thành viên lưu ký của VSD.

2. Nguyên tắc xử lý thu hồi Giấy chứng nhận thành viên lưu ký:

a) Trong vòng một (01) ngày làm việc kể từ ngày nhận được các tài liệu liên quan đến việc thu hồi Giấy chứng nhận thành viên lưu ký, VSD ngừng cung cấp dịch vụ đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán đối với thành viên lưu ký, ngoại trừ các trường hợp bù trừ và thanh toán chứng khoán để hoàn tất các giao dịch đã thực hiện trên SGDCK, chuyển khoản tất toán tài khoản khách hàng, chuyển khoản giải tỏa chứng khoán cầm cố, thực hiện quyền cho người sở hữu chứng khoán và điều chỉnh thông tin nhà đầu tư;

b) Việc chuyển khoản tất toán tài khoản khách hàng được thực hiện theo yêu cầu của khách hàng, trường hợp không có yêu cầu của khách hàng thực hiện theo văn bản thỏa thuận hoặc hợp đồng chuyển giao tài khoản giữa thành viên lưu ký bị thu hồi Giấy chứng nhận thành viên lưu ký và thành viên lưu ký khác;

c) VSD ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận thành viên lưu ký sau khi thành viên lưu ký hoàn tất việc chuyển khoản tất toán tài khoản khách hàng, tài khoản tự doanh (nếu có) và đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với VSD.

3. VSD hướng dẫn trình tự, thủ tục xử lý thu hồi Giấy chứng nhận thành viên lưu ký.

Điều 12. Thu hồi Giấy chứng nhận chi nhánh hoạt động lưu ký

1. VSD thu hồi Giấy chứng nhận chi nhánh hoạt động lưu ký trong các trường hợp sau:

- a) Thành viên lưu ký tự nguyện chấm dứt hoạt động lưu ký của chi nhánh;
- b) Thành viên lưu ký chấm dứt hoạt động của chi nhánh theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Thành viên lưu ký có nghĩa vụ tiếp nhận mọi nghĩa vụ của chi nhánh bị thu hồi Giấy chứng nhận chi nhánh hoạt động lưu ký với VSD, khách hàng và các đơn vị có liên quan.

Điều 13. Tổ chức mở tài khoản trực tiếp tại VSD

1. Các tổ chức sau đây được mở tài khoản trực tiếp tại VSD:

- a) Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước;
- b) Các tổ chức tín dụng, bảo hiểm tham gia thị trường trái phiếu do SGDCK tổ chức;
- c) Các đối tượng khác theo quy định của VSD sau khi được UBCKNN chấp thuận.

2. Các tổ chức mở tài khoản trực tiếp quy định tại Khoản 1 Điều này mở tài khoản để lưu ký chứng khoán thuộc sở hữu của chính mình và được sử dụng dịch vụ đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán của VSD.

3. VSD cung cấp dịch vụ cho tổ chức mở tài khoản trực tiếp trên cơ sở hợp đồng được ký kết giữa hai bên. Hợp đồng gồm những nội dung chính sau:

- a) Phạm vi cung cấp dịch vụ;
- b) Quyền và nghĩa vụ của VSD, tổ chức mở tài khoản trực tiếp;
- c) Giải quyết tranh chấp;
- d) Chấm dứt hợp đồng;
- đ) Phí cung cấp dịch vụ.

4. VSD ban hành mẫu hợp đồng cung cấp dịch vụ giữa VSD với tổ chức mở tài khoản trực tiếp.

Điều 14. Mở tài khoản trong các trường hợp đặc biệt

1. Các tổ chức đặc biệt sau đây được mở tài khoản trực tiếp tại VSD:

- a) Ngân hàng Nhà nước;
- b) Kho bạc Nhà nước;
- c) Trung tâm lưu ký các nước.

2. Ngân hàng Nhà nước mở tài khoản để lưu ký giấy tờ có giá thuộc sở hữu của Ngân hàng Nhà nước và khách hàng lưu ký của Ngân hàng Nhà nước nhằm phục vụ cho các nghiệp vụ thị trường tiền tệ.

3. Kho bạc Nhà nước mở tài khoản để lưu ký trái phiếu Chính phủ thuộc sở hữu của Kho bạc Nhà nước nhằm phục vụ cho các nghiệp vụ liên quan của Kho bạc Nhà nước.

4. Trung tâm lưu ký các nước được mở tài khoản để cung cấp các dịch vụ liên quan đến hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán căn cứ vào văn bản thỏa thuận với VSD sau khi được UBCKNN phê duyệt.

Chương IV **ĐĂNG KÝ CHỨNG KHOÁN**

Điều 15. Đăng ký chứng khoán tại VSD

1. Loại chứng khoán và hình thức đăng ký tại VSD:

a) Các loại chứng khoán sau đây phải thực hiện đăng ký tại VSD:

- Trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương, tín phiếu kho bạc và các loại trái phiếu khác niêm yết trên SGDCK;

- Cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đầu tư niêm yết trên SGDCK;

- Chứng khoán của công ty đại chúng và các loại chứng khoán phải đăng ký tại VSD theo quy định của pháp luật;

- Các loại chứng khoán khác được đăng ký tại VSD trên cơ sở thỏa thuận giữa VSD và tổ chức phát hành.

b) Chứng khoán đăng ký tại VSD theo hình thức đăng ký ghi sổ.

2. Công ty đại chúng phải thực hiện việc đăng ký chứng khoán tại VSD khi đăng ký là công ty đại chúng với UBCKNN theo quy định của pháp luật chứng khoán về đăng ký công ty đại chúng.

3. Tổ chức phát hành thực hiện đăng ký các thông tin sau đây về chứng khoán với VSD:

a) Thông tin về tổ chức phát hành chứng khoán;

b) Thông tin về chứng khoán phát hành;

c) Thông tin về danh sách người sở hữu chứng khoán, loại chứng khoán và số lượng chứng khoán sở hữu.

4. Tổ chức phát hành làm thủ tục đăng ký chứng khoán trực tiếp với VSD hoặc thông qua công ty chứng khoán.

5. VSD hướng dẫn trình tự, thủ tục đăng ký chứng khoán tại VSD.

Điều 16. Cấp mã chứng khoán

1. Mã chứng khoán trong nước cho các chứng khoán đăng ký được VSD cấp để sử dụng thống nhất khi niêm yết, đăng ký giao dịch tại SGDCK.

2. VSD là tổ chức chính thức thực hiện cấp mã số định danh quốc tế (mã ISIN) cho các loại chứng khoán phát hành tại Việt Nam.

3. VSD hướng dẫn nguyên tắc, trình tự thủ tục cấp mã chứng khoán trong nước và mã số định danh quốc tế.

Điều 17. Quản lý thông tin chứng khoán đã đăng ký

1. Tổ chức phát hành phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ và kịp thời của các thông tin chứng khoán đã đăng ký với VSD.

2. VSD quản lý tập trung toàn bộ thông tin tổ chức phát hành đã đăng ký theo quy định tại Khoản 3 Điều 15 Thông tư này. Mọi thay đổi liên quan đến các thông tin chứng khoán đã đăng ký phải được thực hiện theo các quy định về quản lý thông tin của VSD.

3. VSD hướng dẫn quản lý thông tin, quy trình, thủ tục thực hiện điều chỉnh thông tin chứng khoán đăng ký tại VSD.

Điều 18. Hợp đồng cung cấp dịch vụ giữa VSD với tổ chức phát hành

1. Hợp đồng cung cấp dịch vụ giữa VSD với tổ chức phát hành gồm những nội dung chính sau:

a) Các dịch vụ tổ chức phát hành ủy quyền cho VSD thực hiện:

- Quản lý thông tin về chứng khoán đã đăng ký tại VSD theo quy định tại Khoản 3 Điều 15 Thông tư này;

- Xác nhận chuyển quyền sở hữu chứng khoán cho người sở hữu chứng khoán;

- Tính toán và phân bổ quyền cho người sở hữu chứng khoán.

b) Quyền và nghĩa vụ của VSD, tổ chức phát hành;

c) Giải quyết tranh chấp;

d) Chấm dứt hợp đồng;

đ) Phí cung cấp dịch vụ.

2. VSD ban hành mẫu hợp đồng cung cấp dịch vụ giữa VSD với tổ chức phát hành.

Điều 19. Chuyển quyền sở hữu chứng khoán

1. Chứng khoán của công ty đại chúng đã đăng ký với VSD nhưng chưa niêm yết, đăng ký giao dịch tại SGDCK được thực hiện chuyển quyền sở hữu qua VSD theo quy định của Luật chứng khoán.

2. Việc chuyển quyền sở hữu đối với chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch trên SGDCK được VSD thực hiện theo nguyên tắc sau:

a) Chuyển quyền sở hữu chứng khoán thông qua các giao dịch mua bán thực hiện qua hệ thống giao dịch của SGDCK;

b) Chuyển quyền sở hữu chứng khoán ngoài hệ thống giao dịch chứng khoán đối với các giao dịch không mang tính chất mua bán hoặc không thể thực hiện được qua hệ thống giao dịch của SGDCK trong các trường hợp sau:

- Biểu, tặng, cho, thừa kế chứng khoán theo quy định của Luật Dân sự;
- Giao dịch chứng khoán lô lẻ theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán;
- Tổ chức phát hành mua lại cổ phiếu ưu đãi hoặc thu hồi cổ phiếu (không phát sinh tiền mua lại) của cán bộ, công nhân viên khi chấm dứt hợp đồng lao động làm cổ phiếu quỹ, cổ phiếu thưởng cho cán bộ, công nhân viên;
- Công đoàn của tổ chức phát hành mua lại cổ phiếu ưu đãi hoặc thu hồi cổ phiếu (không phát sinh tiền mua lại) của cán bộ, công nhân viên khi chấm dứt hợp đồng lao động làm cổ phiếu thưởng cho cán bộ, công nhân viên;
- Tổ chức phát hành mua lại cổ phiếu của cổ đông biểu quyết phản đối quyết định về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty;
- Tổ chức phát hành dùng cổ phiếu quỹ, cổ phiếu thu hồi, công đoàn của tổ chức phát hành dùng cổ phiếu của mình từ các nguồn như được phân phối, mua lại, thu hồi để phân phối, thưởng cho cán bộ, công nhân viên;
- Giao dịch của cổ đông sáng lập trong thời gian hạn chế chuyển nhượng phù hợp với quy định của pháp luật;
- Tổ chức phát hành thay đổi cổ đông chiến lược trong thời gian hạn chế chuyển nhượng;
- Nhà đầu tư ủy thác chuyển quyền sở hữu chứng khoán của mình sang công ty quản lý quỹ trong trường hợp công ty quản lý quỹ nhận quản lý danh mục đầu tư ủy thác bằng tài sản; hoặc công ty quản lý quỹ chuyển quyền sở hữu chứng khoán được ủy thác sang nhà đầu tư ủy thác hoặc công ty quản lý quỹ khác trong trường hợp chấm dứt hợp đồng quản lý danh mục đầu tư; hoặc công ty quản lý quỹ giải thể, phá sản, phải hoàn trả nhà đầu tư ủy thác tài sản hoặc chuyển danh mục tài sản sang công ty quản lý quỹ khác quản lý;
- Chuyển quyền sở hữu theo bản án, quyết định của tòa án, phán quyết của trọng tài hoặc quyết định của cơ quan thi hành án;
- Chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, góp vốn bằng cổ phiếu thành lập doanh nghiệp theo quy định của Luật Dân sự, Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán;
- Chào mua công khai theo quy định của pháp luật;

- Bán đấu giá phần vốn nhà nước theo quy định của pháp luật;
- Chuyển quyền sở hữu chứng khoán cơ cấu, chứng chỉ quỹ trong giao dịch hoán đổi với quỹ hoán đổi danh mục;
- Chuyển quyền sở hữu giấy tờ có giá trên thị trường tiền tệ theo đề nghị của Ngân hàng Nhà nước;
- Chuyển quyền sở hữu trong hoạt động vay và cho vay chứng khoán theo quy định tại Điều 47 Thông tư này gồm chuyển quyền sở hữu chứng khoán từ bên cho vay sang bên vay và ngược lại hoặc chuyển quyền sở hữu tài sản bảo đảm là chứng khoán từ bên vay chứng khoán sang bên cho vay chứng khoán trong trường hợp bên vay bị mất khả năng hoàn trả khoản vay;
- Chuyển quyền sở hữu do xử lý tài sản bảo đảm là chứng khoán trong các giao dịch cầm cố, thế chấp, ký quỹ. Trường hợp chuyển quyền sở hữu liên quan đến nhà đầu tư nước ngoài chỉ thực hiện sau khi có ý kiến của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
- Các trường hợp chuyển quyền sở hữu khác sau khi có ý kiến của UBCKNN.

3. Người sở hữu chứng khoán phải thực hiện lưu ký chứng khoán trước khi thực hiện chuyển quyền sở hữu theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này. Các trường hợp chuyển quyền sở hữu chứng khoán chưa lưu ký phải có ý kiến của UBCKNN.

4. VSD hướng dẫn trình tự, thủ tục chuyển quyền sở hữu chứng khoán đăng ký ngoài hệ thống giao dịch quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều này.

Điều 20. Hủy đăng ký chứng khoán

1. Việc hủy đăng ký đối với chứng khoán tại VSD được áp dụng trong các trường hợp sau:

- a) Trái phiếu, tín phiếu đến thời gian đáo hạn;
- b) Trái phiếu được tổ chức phát hành mua lại trước thời gian đáo hạn;
- c) Tổ chức phát hành giải thể, phá sản, chia tách, sáp nhập, hợp nhất, giảm vốn;
- d) Tổ chức phát hành hoán đổi cổ phiếu, trái phiếu;
- đ) Chứng chỉ quỹ đầu tư hủy niêm yết trên SGDCK;
- e) Quỹ hoán đổi danh mục giải thể;
- g) Chứng khoán của các công ty đại chúng đã đăng ký tại VSD nhưng không còn đáp ứng điều kiện là công ty đại chúng và có yêu cầu hủy đăng ký;
- h) Tự nguyện hủy đăng ký chứng khoán của tổ chức phát hành đăng ký chứng khoán theo thỏa thuận với VSD.

2. VSD hướng dẫn trình tự, thủ tục hủy đăng ký chứng khoán.

Điều 21. Thực hiện quyền của người sở hữu chứng khoán

1. Trên cơ sở các tài liệu dưới đây, VSD lập danh sách người sở hữu chứng khoán tại ngày đăng ký cuối cùng, tính toán và phân bổ quyền mà người sở hữu chứng khoán được nhận theo quy định của pháp luật:

a) Văn bản thông báo của tổ chức phát hành hoặc tổ chức, cá nhân có thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

b) Ủy quyền của tổ chức phát hành.

2. Chỉ những người có tên trên danh sách người sở hữu chứng khoán do VSD lập vào ngày đăng ký cuối cùng mới được nhận các quyền phát sinh liên quan đến chứng khoán mà mình sở hữu.

3. Tổ chức phát hành, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp chỉ được sử dụng danh sách người sở hữu chứng khoán do VSD cung cấp vào mục đích đã nêu trong văn bản thông báo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này và chịu mọi trách nhiệm nếu sử dụng sai mục đích hoặc làm lộ bí mật thông tin.

4. Người sở hữu chứng khoán đã lưu ký nhận quyền, lợi ích được phân bổ thông qua VSD và các thành viên lưu ký nơi người sở hữu mở tài khoản lưu ký. Người sở hữu chứng khoán chưa lưu ký nhận quyền, lợi ích được phân bổ trực tiếp tại tổ chức phát hành hoặc tổ chức được tổ chức phát hành ủy quyền.

5. VSD, thành viên lưu ký chịu trách nhiệm thực hiện quyền cho người sở hữu chứng khoán đăng ký, lưu ký tại VSD, chịu trách nhiệm về các thiệt hại gây ra cho người sở hữu chứng khoán do không tuân thủ đúng các quy định về thực hiện quyền của Thông tư này hoặc quy chế nghiệp vụ đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán của VSD trong phạm vi trách nhiệm của mình.

6. Việc lập danh sách, cung cấp danh sách và tổ chức thực hiện quyền của người sở hữu chứng khoán được thực hiện trên cơ sở ủy quyền của tổ chức phát hành hoặc theo quy chế nghiệp vụ của VSD.

Điều 22. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức phát hành có chứng khoán đăng ký

1. Tuân thủ các quy định của pháp luật và các quy chế về đăng ký chứng khoán, thực hiện quyền đối với người sở hữu chứng khoán đăng ký và các quy chế nghiệp vụ có liên quan khác của VSD.

2. Ký hợp đồng cung cấp dịch vụ với VSD theo quy định tại Điều 18 Thông tư này.

3. Cung cấp kịp thời và chính xác cho VSD những thông tin hoặc các tài liệu cần thiết để thực hiện việc đăng ký chứng khoán và thực hiện quyền theo quy định hoặc khi VSD có yêu cầu bằng văn bản, chịu trách nhiệm hoàn toàn về các nội dung thông tin đã cung cấp với VSD.

4. Chịu trách nhiệm về các thiệt hại gây ra cho VSD và người sở hữu chứng khoán khi không thực hiện đúng quy định của pháp luật và quy chế của VSD, trừ trường hợp bất khả kháng.

5. Nộp phí dịch vụ do VSD cung cấp theo quy định của Bộ Tài chính.

6. Được VSD cung cấp các dịch vụ đăng ký, thực hiện quyền và các dịch vụ khác theo thỏa thuận giữa hai bên phù hợp quy định của Thông tư này và các quy định khác của pháp luật.

7. Được yêu cầu VSD cung cấp thông tin người sở hữu chứng khoán, thông tin chứng khoán đã đăng ký theo thỏa thuận giữa hai bên và phù hợp với quy định của Thông tư này và quy định khác của pháp luật.

8. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật và quy chế của VSD.

Chương V **LƯU KÝ CHỨNG KHOÁN**

Điều 23. Nguyên tắc lưu ký chứng khoán

1. Việc lưu ký chứng khoán của khách hàng tại VSD được thực hiện theo nguyên tắc: khách hàng lưu ký chứng khoán tại thành viên lưu ký và thành viên lưu ký tái lưu ký chứng khoán của khách hàng tại VSD.

2. Thành viên lưu ký nhận lưu ký các chứng khoán của khách hàng với tư cách là người được khách hàng ủy quyền thực hiện các nghiệp vụ đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán. Để lưu ký chứng khoán, khách hàng phải ký hợp đồng mở tài khoản lưu ký chứng khoán với thành viên lưu ký.

3. VSD nhận tái lưu ký chứng khoán từ các thành viên lưu ký, tổ chức mở tài khoản trực tiếp. Để tái lưu ký chứng khoán, thành viên lưu ký, tổ chức mở tài khoản trực tiếp phải mở tài khoản lưu ký chứng khoán đứng tên thành viên lưu ký, tổ chức mở tài khoản trực tiếp tại VSD.

Điều 24. Mở tài khoản lưu ký chứng khoán

1. Thành viên lưu ký phải mở tài khoản lưu ký chứng khoán tại VSD để thực hiện các giao dịch đối với chứng khoán lưu ký tại VSD. Mỗi thành viên lưu ký chỉ được mở một (01) tài khoản lưu ký chứng khoán tại VSD và không được mở tài khoản lưu ký tại thành viên lưu ký khác, trừ các trường hợp sau:

a) Thành viên lưu ký mở tài khoản tại thành viên lập quỹ để thực hiện giao dịch hoán đổi với quỹ hoán đổi danh mục;

b) Thành viên lưu ký là công ty chứng khoán đã rút nghiệp vụ môi giới chứng khoán, rút nghiệp vụ tự doanh, chấm dứt tư cách thành viên tại các SGDC được

phép mở tài khoản lưu ký tại các thành viên lưu ký khác để xử lý số chứng khoán còn lại trên tài khoản tự doanh.

2. Tổ chức mở tài khoản trực tiếp được phép mở tài khoản lưu ký chứng khoán tại VSD theo hợp đồng cung cấp dịch vụ với VSD.

3. Mở tài khoản lưu ký đối với nhà đầu tư:

a) Tại mỗi thành viên lưu ký, nhà đầu tư chỉ được mở một (01) tài khoản lưu ký chứng khoán;

b) Nhà đầu tư là tổ chức, cá nhân nước ngoài mở tài khoản lưu ký chứng khoán tại thành viên lưu ký sau khi đăng ký mã số giao dịch chứng khoán theo quy định của pháp luật có liên quan.

4. Mỗi quỹ đầu tư chỉ được mở một (01) tài khoản lưu ký tại một (01) ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát theo quy định của pháp luật có liên quan.

5. Công ty quản lý quỹ phải mở tài khoản lưu ký chứng khoán tách biệt cho công ty và cho từng quỹ đầu tư chứng khoán do công ty quản lý. Trường hợp thực hiện quản lý danh mục đầu tư, tại mỗi ngân hàng lưu ký, công ty quản lý quỹ được mở hai (02) tài khoản lưu ký đứng tên công ty quản lý quỹ thay mặt cho nhà đầu tư ủy thác (một (01) tài khoản lưu ký cho khách hàng ủy thác trong nước và một (01) tài khoản lưu ký cho nhà đầu tư ủy thác nước ngoài).

6. Quỹ đầu tư nước ngoài, tổ chức đầu tư nước ngoài được quản lý bởi nhiều công ty quản lý quỹ được mở nhiều tài khoản lưu ký chứng khoán theo nguyên tắc cứ mỗi mã số giao dịch chứng khoán được cấp thì được mở một (01) tài khoản lưu ký chứng khoán tại ngân hàng lưu ký.

7. Nhà đầu tư nước ngoài là công ty chứng khoán nước ngoài thành lập theo pháp luật nước ngoài được mở hai (02) tài khoản lưu ký chứng khoán tách biệt tại thành viên lưu ký để quản lý chứng khoán thuộc sở hữu của chính công ty và khách hàng của công ty.

8. Công ty bảo hiểm 100% vốn nước ngoài phải mở hai (02) tài khoản lưu ký chứng khoán tại một (01) thành viên lưu ký để quản lý tách biệt các khoản đầu tư từ nguồn vốn chủ sở hữu và từ nguồn phí bảo hiểm khi thực hiện đầu tư trên thị trường chứng khoán.

9. VSD hướng dẫn trình tự, thủ tục mở tài khoản lưu ký chứng khoán tại VSD.

Điều 25. Tài khoản lưu ký chứng khoán tại VSD

1. Tài khoản lưu ký chứng khoán của thành viên lưu ký và tổ chức mở tài khoản trực tiếp tại VSD bao gồm:

a) Tài khoản chứng khoán giao dịch;

- b) Tài khoản chứng khoán tạm ngừng giao dịch;
- c) Tài khoản chứng khoán cầm cố;
- d) Tài khoản chứng khoán phong tỏa, tạm giữ;
- đ) Tài khoản chứng khoán chờ thanh toán;
- e) Tài khoản chứng khoán chờ về;
- g) Tài khoản chứng khoán chờ cho vay;
- h) Tài khoản chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay;
- i) Tài khoản chứng khoán chờ giao dịch;
- k) Tài khoản chứng khoán sửa lỗi giao dịch;
- l) Các tài khoản khác theo quy định của pháp luật.

2. Tài khoản lưu ký chứng khoán của thành viên lưu ký nêu tại Khoản 1 Điều này được phân loại như sau:

- a) Tài khoản của chính thành viên lưu ký;
- b) Tài khoản cho khách hàng trong nước của thành viên lưu ký;
- c) Tài khoản cho khách hàng nước ngoài của thành viên lưu ký.

3. Tài khoản lưu ký chứng khoán của thành viên lưu ký, tổ chức mở tài khoản trực tiếp tại VSD bao gồm các nội dung sau đây:

- a) Số tài khoản lưu ký chứng khoán;
- b) Tên và địa chỉ của thành viên lưu ký;
- c) Số lượng, loại và mã chứng khoán lưu ký;
- d) Số lượng chứng khoán tăng giảm và lý do của việc tăng giảm;
- đ) Các thông tin cần thiết khác.

Điều 26. Quản lý tài khoản lưu ký chứng khoán tại VSD

1. VSD quản lý tài khoản lưu ký chứng khoán theo nguyên tắc sau:

- a) Chứng khoán lưu ký tại VSD là tài sản thuộc sở hữu của khách hàng, được quản lý tách biệt với tài sản của VSD;
- b) VSD không được sử dụng chứng khoán của khách hàng vì lợi ích của chính VSD hoặc của bên thứ ba, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. VSD chỉ thực hiện hạch toán trên tài khoản lưu ký chứng khoán khi các chứng từ hạch toán đầy đủ, hợp lệ và là chứng từ gốc.

3. Tổng số dư trên các tài khoản lưu ký chứng khoán của khách hàng mở tại thành viên lưu ký phải luôn khớp với số dư các tài khoản lưu ký chứng khoán của thành viên lưu ký mở tại VSD. Số dư chi tiết trên tài khoản lưu ký chứng khoán

của từng khách hàng tại thành viên lưu ký phải khớp với số liệu sở hữu của khách hàng đó tại VSD.

4. Khi có bất cứ sự thay đổi hay sai sót nào về thông tin tài khoản lưu ký chứng khoán, thành viên lưu ký, tổ chức mở tài khoản trực tiếp có nghĩa vụ báo cáo và điều chỉnh ngay với VSD. Quy trình, thủ tục điều chỉnh thông tin tài khoản lưu ký chứng khoán thực hiện theo hướng dẫn của VSD.

5. Khi phát hiện sai sót trong thông tin trong tài khoản lưu ký chứng khoán của thành viên lưu ký, tổ chức mở tài khoản trực tiếp hoặc khách hàng của thành viên lưu ký, VSD phải thông báo ngay cho thành viên lưu ký, tổ chức mở tài khoản trực tiếp và các tổ chức này có trách nhiệm điều chỉnh cho phù hợp.

Điều 27. Tài khoản lưu ký chứng khoán của khách hàng tại thành viên lưu ký

1. Tài khoản lưu ký chứng khoán của khách hàng mở tại thành viên lưu ký bao gồm:

- a) Tài khoản chứng khoán giao dịch;
- b) Tài khoản chứng khoán tạm ngừng giao dịch;
- c) Tài khoản chứng khoán cầm cố;
- d) Tài khoản chứng khoán phong tỏa, tạm giữ;
- đ) Tài khoản chứng khoán chờ thanh toán;
- e) Tài khoản chứng khoán chờ về;
- g) Tài khoản chứng khoán chờ cho vay;
- h) Tài khoản chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay;
- i) Tài khoản chứng khoán chờ giao dịch;
- k) Tài khoản chứng khoán sửa lỗi giao dịch;
- l) Các tài khoản khác theo quy định của pháp luật.

2. Tài khoản lưu ký chứng khoán của khách hàng mở tại thành viên lưu ký bao gồm các nội dung sau:

- a) Số tài khoản lưu ký chứng khoán;
- b) Tên và địa chỉ liên lạc của khách hàng là chủ tài khoản;
- c) Số chứng minh nhân dân và ngày cấp đối với khách hàng cá nhân là người Việt Nam, số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy phép thành lập và ngày cấp đối với khách hàng là tổ chức trong nước, mã số giao dịch chứng khoán và ngày cấp đối với khách hàng nước ngoài;

- d) Số lượng, loại và mã chứng khoán lưu ký;
- đ) Số lượng chứng khoán lưu ký tăng, giảm và lý do của việc tăng giảm;
- e) Các thông tin cần thiết khác.

3. Đối với hoạt động quản lý danh mục đầu tư của công ty quản lý quỹ thì tài khoản lưu ký tại ngân hàng lưu ký phải có đầy đủ thông tin về khách hàng ủy thác theo quy định tại Điểm b, c, d, đ và e Khoản 2 Điều này.

Điều 28. Quản lý tài khoản lưu ký chứng khoán tại thành viên lưu ký

1. Thành viên lưu ký phải quản lý các tài khoản lưu ký chứng khoán của khách hàng theo nguyên tắc sau:

a) Thành viên lưu ký phải mở tài khoản lưu ký chứng khoán chi tiết cho từng khách hàng và quản lý tách biệt tài sản cho từng khách hàng;

b) Chứng khoán lưu ký của khách hàng tại thành viên lưu ký là tài sản thuộc sở hữu của khách hàng và được quản lý tách biệt với tài sản của thành viên lưu ký;

c) Thành viên lưu ký không được sử dụng chứng khoán trong tài khoản lưu ký chứng khoán của khách hàng vì lợi ích của bên thứ ba hoặc vì lợi ích của chính thành viên lưu ký trừ trường hợp thành viên lưu ký là công ty chứng khoán xử lý chứng khoán trên tài khoản của khách hàng trong giao dịch ký quỹ phù hợp với quy định của pháp luật;

d) Thành viên lưu ký có trách nhiệm thông báo kịp thời và đầy đủ các quyền lợi phát sinh liên quan đến chứng khoán lưu ký cho khách hàng;

đ) Thành viên lưu ký có trách nhiệm bảo mật các thông tin liên quan đến sở hữu chứng khoán của khách hàng;

e) Thành viên lưu ký có trách nhiệm cập nhật hàng ngày thông tin mở, đóng tài khoản lưu ký của khách hàng thực hiện trong ngày tại thành viên lưu ký cho VSD và thực hiện đối chiếu thông tin số dư tài khoản lưu ký của từng khách hàng với số liệu sở hữu chứng khoán của khách hàng tại VSD trên cơ sở các số liệu về sở hữu chứng khoán của khách hàng mà VSD cung cấp cho thành viên lưu ký. Trình tự, thủ tục thực hiện cập nhật thông tin tài khoản và đối chiếu số dư thực hiện theo quy định của VSD.

2. Theo yêu cầu của khách hàng, thành viên lưu ký phải gửi cho từng khách hàng bản Sao kê tài khoản lưu ký chứng khoán sau một (01) ngày làm việc kể từ ngày có yêu cầu.

3. Khách hàng có nghĩa vụ thông báo ngay cho thành viên lưu ký khi có bất cứ sự thay đổi hay sai sót nào về những thông tin tài khoản lưu ký chứng khoán của khách hàng tại thành viên lưu ký.

Điều 29. Hiệu lực lưu ký chứng khoán

1. Việc lưu ký chứng khoán tại VSD có hiệu lực kể từ thời điểm VSD thực hiện hạch toán trên tài khoản lưu ký chứng khoán liên quan của thành viên lưu ký, tổ chức mở tài khoản trực tiếp mở tại VSD.

2. Việc hạch toán, chuyển khoản chứng khoán bằng bút toán ghi sổ giữa các tài khoản lưu ký chứng khoán của thành viên lưu ký, tổ chức mở tài khoản trực tiếp hoặc khách hàng lưu ký tại VSD có hiệu lực pháp lý như đối với chuyển giao chứng khoán vật chất và được pháp luật thừa nhận.

Điều 30. Ký gửi chứng khoán

1. Việc ký gửi chứng khoán của khách hàng tại VSD (trừ trường hợp ký gửi trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương, tín phiếu kho bạc) được thực hiện theo nguyên tắc sau:

a) Khách hàng ký gửi chứng khoán vào VSD thông qua thành viên lưu ký nơi mình mở tài khoản;

b) Thành viên lưu ký có trách nhiệm làm thủ tục nhận chứng khoán ký gửi của khách hàng và tái ký gửi vào VSD trong vòng một (01) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ của khách hàng;

c) VSD có trách nhiệm xử lý hồ sơ ký gửi chứng khoán trong vòng một (01) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ của thành viên lưu ký;

d) VSD hướng dẫn trình tự, thủ tục ký gửi chứng khoán của thành viên lưu ký tại VSD.

2. Thành viên lưu ký, tổ chức mở tài khoản trực tiếp, khách hàng ký gửi chứng khoán không hợp lệ, chứng khoán giả mạo, bị thông báo mất cắp hoặc không có đủ thông tin theo yêu cầu phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc ký gửi số chứng khoán này và phải bồi thường cho các bên liên quan thiệt hại do việc lưu ký chứng khoán đó gây ra.

3. VSD thực hiện yêu cầu ký gửi chứng khoán cho nhà đầu tư đồng thời với đăng ký chứng khoán khi có yêu cầu từ tổ chức phát hành đứng ra đại diện cho các cổ đông. VSD hướng dẫn trình tự, thủ tục ký gửi chứng khoán đối với trường hợp này.

4. VSD thực hiện hạch toán chứng khoán vào tài khoản lưu ký chứng khoán của thành viên lưu ký, tổ chức mở tài khoản trực tiếp hoặc khách hàng của thành viên lưu ký có liên quan trong các trường hợp ký gửi trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương, tín phiếu kho bạc và ký gửi cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đăng ký bổ sung phát sinh từ các chứng khoán đã lưu ký tại VSD. VSD hướng dẫn trình tự, thủ tục ký gửi chứng khoán đối với các trường hợp này.

5. Trường hợp tổ chức phát hành quản lý chứng khoán bằng hình thức ghi sổ trên tài khoản và không phát hành tờ chứng chỉ, việc ký gửi chứng khoán của nhà đầu tư được thực hiện theo hướng dẫn của VSD.

Điều 31. Rút chứng khoán

1. Rút chứng khoán theo yêu cầu:

a) Khách hàng chỉ được yêu cầu rút chứng khoán trong phạm vi số lượng chứng khoán sở hữu trên các tài khoản lưu ký, trừ các chứng khoán đang bị tạm giữ, phong tỏa;

b) Thành viên lưu ký phải chuyển cho VSD hồ sơ rút chứng khoán trong vòng một (01) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ của khách hàng;

c) VSD có trách nhiệm xử lý hồ sơ rút chứng khoán trong vòng một (01) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ của thành viên lưu ký;

d) Thông tin sở hữu chứng khoán của nhà đầu tư rút chứng khoán lưu ký được ghi nhận vào danh sách người sở hữu chứng khoán chưa lưu ký;

đ) Tổ chức phát hành có trách nhiệm cấp lại giấy chứng nhận/sổ chứng nhận sở hữu chứng khoán cho người sở hữu chứng khoán.

2. Việc rút chứng khoán hết hiệu lực lưu hành, rút chứng khoán do hủy đăng ký tự nguyện được thực hiện theo nguyên tắc VSD tự động hạch toán giảm số lượng chứng khoán lưu ký trên tài khoản lưu ký chứng khoán của các thành viên liên quan sau khi tổ chức phát hành hoàn tất việc hủy đăng ký chứng khoán tại VSD.

3. VSD hướng dẫn trình tự, thủ tục rút chứng khoán tại VSD.

Điều 32. Chuyển khoản chứng khoán

1. Việc chuyển khoản để thanh toán các giao dịch mua, bán thực hiện thông qua hệ thống giao dịch của SGDCK được thực hiện theo quy định về bù trừ và thanh toán chứng khoán tại Chương VI Thông tư này.

2. VSD được thực hiện chuyển khoản chứng khoán lưu ký không qua hệ thống giao dịch tập trung của SGDCK trong các trường hợp sau:

a) Khách hàng tắt toán tài khoản lưu ký tại thành viên lưu ký này sang tài khoản lưu ký tại thành viên lưu ký khác;

b) Chuyển khoản chứng khoán từ tài khoản lưu ký của khách hàng tại thành viên lưu ký này sang tài khoản lưu ký của chính khách hàng tại thành viên lưu ký khác;

c) Chuyển khoản phục vụ giao dịch giấy tờ có giá trên thị trường tiền tệ;

d) Chuyển khoản chứng khoán do chuyển danh mục đầu tư giữa các tài khoản lưu ký theo yêu cầu của nhà đầu tư nước ngoài;

đ) Chuyển khoản chứng khoán do thay đổi thông tin về loại chứng khoán, điều chỉnh sai sót về số lượng chứng khoán sở hữu;

e) Khi thành viên lưu ký nơi khách hàng đang mở tài khoản bị UBCKNN thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán, rút nghiệp vụ môi giới chứng khoán hoặc bị VSD thu hồi Giấy chứng nhận thành viên lưu ký;

g) Khi tổ chức mở tài khoản trực tiếp chấm dứt hợp đồng cung cấp dịch vụ với VSD;

h) Các trường hợp chuyển quyền sở hữu theo quy định tại Khoản 1 và Điểm b Khoản 2 Điều 19 Thông tư này;

i) Các trường hợp chuyển khoản khác sau khi có ý kiến của UBCKNN.

3. Thành viên lưu ký phải chuyển cho VSD hồ sơ chuyển khoản chứng khoán trong vòng một (01) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu chuyển khoản của khách hàng.

4. VSD có trách nhiệm xử lý hồ sơ chuyển khoản chứng khoán trong vòng một (01) ngày làm việc đối với các trường hợp chuyển khoản quy định tại Điểm a, b, c, d, đ và tối đa năm (05) ngày làm việc đối với các trường hợp chuyển khoản quy định tại Điểm e, g, h, i Khoản 2 Điều này kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

5. VSD hướng dẫn trình tự, thủ tục chuyển khoản chứng khoán tại VSD.

Điều 33. Phong tỏa, giải tỏa chứng khoán

1. Phong tỏa, giải tỏa chứng khoán theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền:

a) VSD chỉ thực hiện phong tỏa, giải tỏa chứng khoán sau khi có yêu cầu bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

b) Sau khi phong tỏa, giải tỏa chứng khoán trên các tài khoản lưu ký chứng khoán, VSD có trách nhiệm thông báo đề thành viên lưu ký, tổ chức mở tài khoản trực tiếp thực hiện phong tỏa, giải tỏa chứng khoán, đồng thời thông báo cho khách hàng có liên quan của thành viên lưu ký.

2. Phong tỏa, giải tỏa chứng khoán của nhà đầu tư, thành viên lưu ký, tổ chức mở tài khoản trực tiếp:

a) VSD thực hiện phong tỏa, giải tỏa chứng khoán của nhà đầu tư khi có yêu cầu của chính nhà đầu tư gửi cho VSD thông qua thành viên lưu ký nơi nhà đầu tư có chứng khoán lưu ký thực hiện phong tỏa, giải tỏa. Trường hợp nhà đầu tư sử dụng chứng khoán của mình làm tài sản bảo đảm cho các khoản vay tại các tổ chức tín dụng, thành viên lưu ký nơi nhà đầu tư mở tài khoản lưu ký chứng khoán có trách nhiệm phong tỏa, giải tỏa chứng khoán trên tài khoản chứng khoán cầm cố của khách hàng, đồng thời gửi hồ sơ đề nghị phong tỏa, giải tỏa chứng khoán cầm cố cho VSD để hạch toán tương ứng tại VSD;

b) VSD thực hiện phong tỏa, giải tỏa chứng khoán của thành viên lưu ký, tổ chức mở tài khoản trực tiếp khi có yêu cầu của thành viên lưu ký, tổ chức mở tài khoản trực tiếp gửi cho VSD. Trường hợp thành viên lưu ký, tổ chức mở tài khoản trực tiếp sử dụng chứng khoán của mình làm tài sản bảo đảm cho các khoản vay tại

các tổ chức tín dụng, thành viên lưu ký, tổ chức mở tài khoản trực tiếp có trách nhiệm gửi hồ sơ đề nghị phong tỏa, giải tỏa chứng khoán cầm cố tại VSD để hạch toán tương ứng tại VSD;

c) VSD có trách nhiệm xử lý hồ sơ phong tỏa, giải tỏa chứng khoán cầm cố trong vòng một (01) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

3. VSD hướng dẫn trình tự, thủ tục phong tỏa, giải tỏa chứng khoán theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, chứng khoán cầm cố tại VSD quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này.

Chương VI

BÙ TRỪ VÀ THANH TOÁN GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

Điều 34. Hoạt động bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán

1. Hoạt động bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán theo quy định tại Thông tư này là việc tổ chức hoạt động bù trừ và thanh toán đối với giao dịch chứng khoán thực hiện tại các SGDCK bao gồm cả giao dịch trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương và tín phiếu kho bạc.

2. Trường hợp có sự thay đổi về cơ chế thanh toán giao dịch trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương và tín phiếu kho bạc thì việc tổ chức hoạt động bù trừ và thanh toán giao dịch được thực hiện theo văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

3. Hoạt động bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh được quy định tại văn bản quy phạm pháp luật về thị trường giao dịch chứng khoán phái sinh.

Điều 35. Nguyên tắc bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán

1. VSD thanh toán theo kết quả bù trừ đa phương và thanh toán theo từng giao dịch cho các giao dịch chứng khoán thực hiện tại các SGDCK.

2. Việc bù trừ chứng khoán được VSD thực hiện theo từng chứng khoán và tách biệt theo loại tài khoản môi giới cho khách hàng trong nước, tài khoản môi giới cho khách hàng nước ngoài và tài khoản tự doanh của thành viên lưu ký.

3. Việc bù trừ tiền được VSD thực hiện cho từng thành viên lưu ký trên cơ sở bù trừ chung giữa số tiền được nhận và số tiền phải trả cho các giao dịch có cùng thời gian, phương thức thanh toán tại các SGDCK và tách biệt theo loại tài khoản môi giới cho khách hàng trong nước, tài khoản môi giới cho khách hàng nước ngoài và tài khoản tự doanh của thành viên lưu ký.

4. VSD thực hiện thanh toán các giao dịch mua, bán chứng khoán thực hiện tại các SGDCK căn cứ vào kết quả giao dịch do SGDCK cung cấp.

5. Việc thanh toán giao dịch được thực hiện theo nguyên tắc chuyển giao chứng khoán đồng thời với thanh toán tiền (DVP).

6. UBCKNN hướng dẫn cụ thể về thời hạn thực hiện bán chứng khoán sau giao dịch, sau khi được Bộ Tài chính chấp thuận.

7. Tổng Giám đốc VSD quyết định áp dụng các phương thức thanh toán, thời gian thanh toán chứng khoán sau khi được UBCKNN chấp thuận.

8. VSD hướng dẫn trình tự, thủ tục bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán thực hiện tại các SGDCK.

Điều 36. Thanh toán giao dịch của thành viên lưu ký và tổ chức mở tài khoản trực tiếp

1. Các thành viên lưu ký và tổ chức mở tài khoản trực tiếp tại VSD phải mở tài khoản tiền gửi thanh toán bù trừ tại ngân hàng thanh toán để thanh toán tiền cho các giao dịch chứng khoán thực hiện tại các SGDCK.

2. Trường hợp khách hàng mở tài khoản lưu ký chứng khoán tại thành viên lưu ký là ngân hàng thương mại (ngân hàng lưu ký) và đặt lệnh giao dịch qua công ty chứng khoán, việc thanh toán giao dịch sẽ do ngân hàng lưu ký thực hiện.

Điều 37. Đối chiếu và xác nhận giao dịch

1. Sau khi nhận kết quả giao dịch từ SGDCK, VSD có trách nhiệm thông báo kết quả giao dịch cho các thành viên lưu ký và các tổ chức mở tài khoản trực tiếp.

2. Thành viên lưu ký và tổ chức mở tài khoản trực tiếp có trách nhiệm đối chiếu chi tiết giao dịch giữa lệnh gốc được lưu giữ tại thành viên lưu ký, tổ chức mở tài khoản trực tiếp với thông báo kết quả giao dịch của VSD và xác nhận lại với VSD.

Điều 38. Nguyên tắc sửa lỗi sau giao dịch

1. VSD thực hiện sửa lỗi sau giao dịch của thành viên lưu ký trong các trường hợp thành viên lưu ký là công ty chứng khoán đặt nhầm, sai lệnh của khách hàng như: sai số tài khoản của khách hàng, sai chứng khoán, sai mức giá, thừa lệnh, nhầm lệnh mua thành lệnh bán và ngược lại, sai số lượng chứng khoán.

2. Việc sửa lỗi sau giao dịch được thực hiện theo nguyên tắc:

a) Trường hợp thành viên lưu ký sửa lỗi có tài khoản tự doanh, lệnh giao dịch của khách hàng sẽ được VSD điều chỉnh thành lệnh giao dịch tự doanh của thành viên lưu ký;

b) Trường hợp thành viên lưu ký sửa lỗi không có tài khoản tự doanh, VSD sẽ mở tài khoản chứng khoán sửa lỗi giao dịch cho thành viên lưu ký để hạch toán tạm thời số chứng khoán mà thành viên lưu ký được nhận hoặc phải trả do phải thực hiện sửa lỗi. Cơ chế thực hiện như sau:

- Khi được nhận chứng khoán từ việc sửa lỗi, thành viên lưu ký này phải có nghĩa vụ bán ngay số chứng khoán được nhận về trên tài khoản chứng khoán sửa lỗi giao dịch vào phiên giao dịch gần nhất để VSD tất toán tài khoản;

- Khi phải hoàn trả chứng khoán vay từ bên cho vay, thành viên lưu ký này được phép duy trì tài khoản chứng khoán sửa lỗi giao dịch cho đến khi hoàn tất nghĩa vụ đối với bên cho vay chứng khoán.

3. Đối với các lỗi không thuộc các trường hợp nêu tại Khoản 1 Điều này, Tổng Giám đốc VSD có thẩm quyền xem xét, xử lý sau khi có ý kiến chấp thuận của UBCKNN.

4. Trách nhiệm của các bên liên quan trong việc sửa lỗi sau giao dịch:

a) Các bên tham gia giao dịch phải chịu trách nhiệm đối với lỗi do mình gây ra trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình. Thành viên lưu ký chịu trách nhiệm trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình đối với lỗi sau giao dịch của khách hàng;

b) Trường hợp lỗi của thành viên lưu ký là công ty chứng khoán dẫn đến việc khách hàng của thành viên lưu ký là ngân hàng thương mại (ngân hàng lưu ký) thiếu chứng khoán để thanh toán, ngân hàng lưu ký được phép đơn phương từ chối thanh toán giao dịch, thành viên lưu ký là công ty chứng khoán liên quan phải chịu trách nhiệm thanh toán giao dịch lỗi.

5. Thành viên lưu ký do sửa lỗi sau giao dịch dẫn tới tạm thời mất khả năng thanh toán chứng khoán được áp dụng các cơ chế hỗ trợ theo quy định tại Điều 41 Thông tư này.

6. VSD hướng dẫn trình tự, thủ tục sửa lỗi sau giao dịch đối với chứng khoán giao dịch qua SGDCK.

Điều 39. Xử lý lỗi giao dịch tự doanh của công ty chứng khoán

1. Trường hợp công ty chứng khoán nhập sai số hiệu tài khoản tự doanh vào hệ thống giao dịch của SGDCK, VSD sẽ thực hiện điều chỉnh về đúng số hiệu tài khoản tự doanh của công ty chứng khoán để thực hiện thanh toán giao dịch.

2. Trường hợp công ty chứng khoán nhập sai lệnh dẫn tới thiếu chứng khoán để thanh toán hoặc thành viên lập quỹ ETF bị thiếu chứng khoán hoặc chứng chỉ quỹ ETF để thanh toán do giao dịch hoán đổi không thành công theo quy định của Thông tư số 229/2014/TT-BTC thì được áp dụng các cơ chế hỗ trợ theo quy định tại Điều 41 Thông tư này.

Điều 40. Xử lý lỗi giao dịch tự doanh trái phiếu Chính phủ

1. Trường hợp thành viên giao dịch là công ty chứng khoán, ngân hàng lưu ký, tổ chức mở tài khoản trực tiếp nhập sai số hiệu tài khoản tự doanh vào hệ thống giao dịch trái phiếu chuyên biệt của SGDCK Hà Nội, VSD sẽ thực hiện điều chỉnh về đúng số hiệu tài khoản tự doanh của thành viên giao dịch để thực hiện thanh toán giao dịch.

2. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều này, VSD sẽ thực hiện loại bỏ giao dịch và không thanh toán cho giao dịch lỗi của thành viên giao dịch. Thành

viên giao dịch có trách nhiệm bồi thường tổn thất phát sinh (nếu có) cho tổ chức, cá nhân có giao dịch đối ứng liên quan do giao dịch không được thanh toán.

Điều 41. Các biện pháp khắc phục tình trạng mất khả năng thanh toán giao dịch chứng khoán

1. Thành viên lưu ký tạm thời mất khả năng thanh toán giao dịch chứng khoán sẽ được áp dụng các cơ chế hỗ trợ thanh toán sau:

a) Trường hợp thiếu tiền: sử dụng tiền vay của quỹ hỗ trợ thanh toán hoặc tiền vay của ngân hàng thanh toán;

b) Trường hợp thiếu chứng khoán: sử dụng chứng khoán vay qua hệ thống vay và cho vay chứng khoán do VSD quản lý.

2. Trường hợp đến ngày thanh toán giao dịch chứng khoán, thành viên lưu ký không đủ điều kiện để vay tiền từ quỹ hỗ trợ thanh toán theo quy chế quản lý quỹ hỗ trợ thanh toán của VSD, không được ngân hàng thanh toán cho vay tiền theo quy định của ngân hàng thanh toán hoặc không vay được chứng khoán qua hệ thống vay và cho vay chứng khoán, VSD sẽ thực hiện lùi thời hạn thanh toán đối với giao dịch tạm thời mất khả năng thanh toán của thành viên lưu ký để xử lý theo quy định tại Điều 44 Thông tư này.

Điều 42. Cơ chế xử lý việc mất khả năng thanh toán tiền

1. Cơ chế sử dụng quỹ hỗ trợ thanh toán: tùy theo giá trị thực tế của quỹ hỗ trợ thanh toán và tần suất, mức độ sử dụng quỹ hỗ trợ thanh toán của thành viên lưu ký, VSD quy định mức trần sử dụng trong từng trường hợp hỗ trợ thanh toán. Lãi suất vay quỹ hỗ trợ thanh toán do VSD quy định sau khi tham khảo ý kiến của thành viên lưu ký và được sự chấp thuận của UBCKNN nhưng không vượt quá 150% lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định.

2. Cơ chế sử dụng tiền vay từ ngân hàng thanh toán: thành viên lưu ký phải đáp ứng điều kiện vay vốn theo quy định của pháp luật, ngân hàng thanh toán và ký hợp đồng vay vốn hoặc thỏa thuận hỗ trợ tiền thanh toán giao dịch chứng khoán với ngân hàng thanh toán. Thỏa thuận hỗ trợ tiền thanh toán giao dịch gồm các nội dung chính sau:

a) Lãi suất vay theo nguyên tắc không vượt quá lãi suất sử dụng quỹ hỗ trợ thanh toán;

b) Thời hạn vay;

c) Phương thức đảm bảo hoàn trả khoản vay phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Thành viên lưu ký mất khả năng thanh toán tiền phải chịu mọi chi phí, tổn thất phát sinh và chịu xử phạt theo quy định của pháp luật.

4. VSD hướng dẫn cụ thể trình tự, thủ tục áp dụng các cơ chế hỗ trợ xử lý tình trạng mất khả năng thanh toán tiền của thành viên lưu ký.

Điều 43. Cơ chế xử lý việc mất khả năng thanh toán chứng khoán

1. Trường hợp do sửa lỗi sau giao dịch dẫn tới thiếu chứng khoán để thanh toán, thành viên lưu ký thực hiện vay chứng khoán qua hệ thống vay và cho vay chứng khoán của VSD.

2. VSD hướng dẫn cụ thể trình tự, thủ tục áp dụng cơ chế vay và cho vay chứng khoán để hỗ trợ thanh toán.

Điều 44. Lùi thời hạn thanh toán

1. Việc lùi thời hạn thanh toán được thực hiện theo nguyên tắc sau:

a) VSD sẽ thực hiện tách riêng giao dịch thiếu tiền, chứng khoán để lùi thời hạn thanh toán đối với các giao dịch này;

b) Thời hạn lùi thanh toán tối đa là ba (03) ngày làm việc kể từ ngày làm việc liền kề trước ngày thanh toán của giao dịch thiếu tiền, chứng khoán;

c) Việc thanh toán cho giao dịch bị lùi thời hạn thanh toán được thực hiện theo phương thức trực tiếp qua VSD;

d) Thành viên lưu ký có giao dịch bị lùi thời hạn thanh toán phải bồi thường cho tổ chức, cá nhân có giao dịch đối ứng liên quan theo mức 5% giá trị giao dịch lùi thanh toán/một 01 ngày lùi thanh toán.

2. VSD hướng dẫn cụ thể trình tự, thủ tục áp dụng cơ chế lùi thời hạn thanh toán.

Điều 45. Loại bỏ không thanh toán giao dịch của thành viên lưu ký

1. VSD có quyền loại bỏ không thanh toán giao dịch chứng khoán trong các trường hợp sau:

a) Thành viên lưu ký đã áp dụng cơ chế lùi thời hạn thanh toán nhưng vẫn không có đủ tiền, chứng khoán để thanh toán giao dịch;

b) Thành viên, khách hàng thành viên bán khống chứng khoán khi chưa có hướng dẫn của Bộ Tài chính;

c) Thông tin về danh tính tài khoản giao dịch của khách hàng có liên quan không được cập nhật tại ngày làm việc liền kề sau ngày thực hiện giao dịch.

2. Thành viên lưu ký có giao dịch bị loại bỏ không thanh toán phải bồi thường cho tổ chức, cá nhân có giao dịch đối ứng liên quan theo mức 20% giá trị không thanh toán. Trường hợp là hành vi vi phạm pháp luật, thành viên lưu ký còn bị xử lý theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán.

3. VSD có trách nhiệm thông báo cho SGDCK các giao dịch loại bỏ không thanh toán.

Điều 46. Quản lý quỹ hỗ trợ thanh toán

1. Quỹ hỗ trợ thanh toán được hình thành từ các khoản đóng góp bằng tiền của các thành viên lưu ký theo mức cố định ban đầu và mức đóng góp hàng năm.

2. Tiền đóng góp vào quỹ hỗ trợ thanh toán thuộc sở hữu của thành viên lưu ký và được VSD quản lý tách biệt với tài sản của VSD. Thành viên lưu ký chỉ được hoàn trả lại số tiền đóng góp quỹ hỗ trợ thanh toán khi thành viên lưu ký đó bị thu hồi Giấy chứng nhận thành viên lưu ký theo quy định tại quy chế nghiệp vụ của VSD.

3. Lãi phát sinh từ tiền đóng góp quỹ hỗ trợ thanh toán được phân bổ cho thành viên lưu ký phù hợp với số tiền và thời gian đóng góp của từng thành viên lưu ký sau khi trừ phí quản lý cho VSD.

4. VSD hướng dẫn việc lập, quản lý và sử dụng quỹ hỗ trợ thanh toán.

Điều 47. Quản lý hệ thống vay và cho vay chứng khoán

1. Hệ thống vay và cho vay chứng khoán của VSD nhằm mục đích:

a) Hỗ trợ thanh toán giao dịch chứng khoán trong trường hợp thành viên lưu ký của VSD do sửa lỗi sau giao dịch dẫn đến tạm thời thiếu hụt chứng khoán để thanh toán;

b) Hỗ trợ các tổ chức đủ tiêu chí làm thành viên lập quỹ ETF có đủ chứng khoán để góp vốn, thực hiện giao dịch của quỹ hoán đổi danh mục và giao dịch hạn chế chênh lệch giá theo quy định hiện hành;

c) Các mục đích khác sau khi được sự chấp thuận của Bộ Tài chính.

2. Hệ thống vay và cho vay chứng khoán thực hiện trên các nguyên tắc sau:

a) Hoạt động vay và cho vay chứng khoán được thực hiện theo cơ chế thỏa thuận giữa bên vay và bên cho vay trên nguyên tắc bên vay phải có tài sản bảo đảm;

b) Tài sản bảo đảm có thể là tiền hoặc chứng khoán đủ điều kiện. Việc xác định giá trị tài sản bảo đảm được thực hiện theo nguyên tắc: tỷ lệ chiết khấu đối với tài sản bảo đảm bằng tiền là 0%, bằng trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương tối thiểu là 5%, bằng các loại chứng khoán khác tối thiểu là 30%. VSD quy định tỷ lệ chiết khấu tài sản bảo đảm sau khi được sự chấp thuận của UBCKNN;

c) Giá trị tài sản bảo đảm phải đạt tỷ lệ tối thiểu 110% giá trị khoản vay. VSD quy định tỷ lệ giá trị tài sản bảo đảm so với giá trị khoản vay sau khi được UBCKNN chấp thuận;

d) Lãi suất cho vay được thỏa thuận trên nguyên tắc tuân thủ các quy định pháp luật có liên quan;

đ) Thời hạn vay, cho vay chứng khoán tối đa là năm (05) ngày làm việc đối với thỏa thuận vay để hỗ trợ thanh toán giao dịch chứng khoán và tối đa không quá

chín mươi (90) ngày đối với thỏa thuận vay, cho vay để góp vốn hoặc thực hiện giao dịch hoán đổi với quỹ hoán đổi danh mục. Việc gia hạn khoản vay thực hiện theo thỏa thuận của bên vay và bên cho vay nhưng tối đa không quá ba (03) lần;

e) Khoản vay phải được hoàn trả bằng chứng khoán đã vay hoặc hoàn trả bằng tiền sau khi được chấp thuận của bên cho vay. Trường hợp bên cho vay nhận hoàn trả khoản vay bằng chứng khoán dẫn tới vượt tỷ lệ sở hữu tối đa theo quy định, phần vượt quá phải được hoàn trả bằng tiền;

g) Trường hợp bên cho vay nhận chuyển giao tài sản bảo đảm bằng chứng khoán khi bên vay mất khả năng thanh toán dẫn tới vượt tỷ lệ sở hữu tối đa theo quy định, bên cho vay có trách nhiệm bán số chứng khoán vượt tỷ lệ sở hữu tối đa theo quy định trong ngày giao dịch kế tiếp ngày nhận chuyển giao.

3. VSD có trách nhiệm tổ chức, quản lý, vận hành hệ thống vay và cho vay chứng khoán tại VSD.

4. VSD hướng dẫn cụ thể về tổ chức hoạt động vay và cho vay chứng khoán.

Chương VII **NGÂN HÀNG THANH TOÁN**

Điều 48. Tiêu chí đối với ngân hàng thanh toán

1. Tiêu chí đối với ngân hàng thanh toán, bao gồm:

- a) Là ngân hàng thương mại Việt Nam;
- b) Có vốn điều lệ thực góp trên 10.000 tỷ đồng;
- c) Có kết quả hoạt động kinh doanh có lãi trong vòng hai (02) năm gần nhất;
- d) Đáp ứng tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu theo quy định của pháp luật về ngân hàng;
- đ) Có hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật đảm bảo thực hiện thanh toán giao dịch và kết nối được với VSD;
- e) Có cam kết với UBCKNN về việc cho vay thanh toán giao dịch chứng khoán trong trường hợp thành viên lưu ký mất khả năng thanh toán;

g) Hệ thống có khả năng lưu giữ số liệu thông tin thanh toán giao dịch trong vòng ít nhất năm (05) năm và có thể cung cấp ngay cho UBCKNN hoặc VSD trong vòng bốn mươi tám (48) giờ khi có yêu cầu.

2. UBCKNN chỉ được lựa chọn duy nhất một (01) ngân hàng thương mại làm ngân hàng thanh toán để cung cấp dịch vụ thanh toán cho giao dịch chứng khoán trên các SGDCK. Việc lựa chọn ngân hàng thanh toán do UBCKNN thực hiện định kỳ năm (05) năm một lần.

Điều 49. Hồ sơ đăng ký làm ngân hàng thanh toán

1. Hồ sơ đăng ký làm ngân hàng thanh toán bao gồm:

- a) Giấy đăng ký làm ngân hàng thanh toán;
- b) Bản cung cấp thông tin về ngân hàng, trong đó nêu rõ khả năng đáp ứng các tiêu chí theo yêu cầu tại Điều 48 Thông tư này;
- c) Bản sao Quyết định thành lập và hoạt động của ngân hàng thương mại;
- d) Bản cam kết với UBCKNN về việc cho vay thanh toán giao dịch chứng khoán trong trường hợp thành viên lưu ký mất khả năng thanh toán;
- đ) Các tài liệu khác liên quan.

2. Hồ sơ theo quy định tại Khoản 1 Điều này được lập thành một (01) bộ hồ sơ gốc và nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện cho UBCKNN.

Điều 50. Thủ tục chấp thuận ngân hàng thanh toán

Trong vòng mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, UBCKNN quyết định chấp thuận hoặc từ chối đăng ký làm ngân hàng thanh toán. Trường hợp từ chối, UBCKNN phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

Điều 51. Thay thế ngân hàng thanh toán

1. Trường hợp ngân hàng thanh toán không duy trì được các điều kiện tại Điều 48 hoặc không thực hiện nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 52 Thông tư này hoặc trong trường hợp ngân hàng thanh toán không khôi phục được các điều kiện đối với ngân hàng thanh toán theo thời hạn do UBCKNN quy định, UBCKNN có quyền lựa chọn ngân hàng thương mại khác đáp ứng đủ điều kiện làm ngân hàng thanh toán.

2. UBCKNN phải công bố thông tin về việc lựa chọn ngân hàng thương mại làm ngân hàng thanh toán trong thời gian tối thiểu ba mươi (30) ngày để các ngân hàng thương mại nộp hồ sơ đăng ký làm ngân hàng thanh toán. Hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn ngân hàng thanh toán thực hiện theo quy định tại Điều 49 và Điều 50 Thông tư này.

3. Ngân hàng thanh toán bị thay thế chịu trách nhiệm hoạt động thanh toán giao dịch chứng khoán cho đến khi có ngân hàng thanh toán khác thay thế và phải hoàn tất các nghĩa vụ liên quan đến hoạt động thanh toán giao dịch chứng khoán đối với khách hàng.

Điều 52. Quyền và nghĩa vụ của ngân hàng thanh toán

1. Quyền của ngân hàng thanh toán:

- a) Chỉ định hội sở chính hoặc chi nhánh làm đầu mối tổ chức thanh toán giao dịch chứng khoán;

b) Đề nghị VSD, thành viên lưu ký, tổ chức mở tài khoản trực tiếp tuân thủ cam kết về thanh toán giữa các bên và cung cấp thông tin cần thiết để thực hiện thanh toán giao dịch;

c) Thu phí cung cấp dịch vụ theo quy định của pháp luật.

2. Nghĩa vụ của ngân hàng thanh toán:

a) Thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho các giao dịch chứng khoán đã thực hiện trên SGDCK;

b) Hỗ trợ tiền cho thành viên lưu ký, tổ chức mở tài khoản trực tiếp khi thiếu tiền thanh toán giao dịch theo quy định;

c) Ký kết hợp đồng theo nguyên tắc đảm bảo cho thành viên lưu ký vay khi thiếu tiền thanh toán giao dịch chứng khoán. Các điều khoản của hợp đồng phải theo nguyên tắc cho vay tín dụng, đảm bảo tính công bằng giữa các thành viên lưu ký;

d) Tuân thủ chế độ thông tin, báo cáo và bảo mật thông tin theo quy định của pháp luật hiện hành;

đ) Đảm bảo cơ sở vật chất kỹ thuật và nhân lực cần thiết phục vụ việc thanh toán bằng tiền cho các giao dịch chứng khoán.

Chương VIII **CHẾ ĐỘ BÁO CÁO**

Điều 53. Báo cáo định kỳ

1. VSD phải cung cấp đầy đủ dữ liệu, báo cáo định kỳ cho UBCKNN theo các quy định hiện hành về giám sát, thống kê để phục vụ công tác giám sát của UBCKNN, SGDCK.

2. Định kỳ hàng tháng các thành viên lưu ký, tổ chức mở tài khoản trực tiếp phải gửi báo cáo hoạt động lưu ký chứng khoán cho VSD theo nội dung quy định tại quy chế hướng dẫn nghiệp vụ đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán của VSD.

3. Định kỳ hàng tháng, hàng quý, hàng năm, ngân hàng thanh toán phải báo cáo UBCKNN về hoạt động thanh toán bù trừ các giao dịch của ngân hàng thanh toán theo nội dung quy định tại phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Thời hạn báo cáo được quy định như sau:

a) Báo cáo tháng gửi UBCKNN trong vòng mười (10) ngày của tháng tiếp theo;

b) Báo cáo quý gửi UBCKNN trong vòng hai mươi (20) ngày của tháng đầu tiên trong quý tiếp theo;

c) Báo cáo năm gửi UBCKNN trong vòng chín mươi (90) ngày đầu của năm tiếp theo.

Điều 54. Báo cáo bất thường

1. VSD phải báo cáo UBCKNN trong thời hạn tối đa bảy mươi hai (72) giờ kể từ khi xảy ra các sự kiện sau đây:

a) Đình chỉ hoạt động lưu ký chứng khoán, đình chỉ hoạt động thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của thành viên lưu ký;

b) Thu hồi Giấy chứng nhận thành viên lưu ký, Giấy chứng nhận Chi nhánh hoạt động lưu ký;

c) Cung cấp thông tin theo chế độ mật cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

d) Hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán bị tê liệt một phần hay toàn bộ.

2. Ngân hàng thanh toán phải báo cáo UBCKNN và VSD ngay lập tức khi hoạt động thanh toán tiền giao dịch chứng khoán bị tê liệt một phần hay toàn bộ.

Điều 55. Báo cáo theo yêu cầu

1. Ngoài các trường hợp báo cáo định kỳ và bất thường quy định tại Điều 53, 54 Thông tư này, trong những trường hợp cần thiết, nhằm bảo vệ lợi ích chung và lợi ích của nhà đầu tư, UBCKNN có thể yêu cầu VSD, thành viên lưu ký, tổ chức mở tài khoản trực tiếp, ngân hàng thanh toán báo cáo hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán.

2. VSD, thành viên lưu ký, tổ chức mở tài khoản trực tiếp và ngân hàng thanh toán phải báo cáo UBCKNN trong thời hạn bốn mươi tám (48) giờ kể từ khi nhận được yêu cầu báo cáo theo quy định tại Khoản 1 Điều này.

Chương IX**THANH TRA, GIÁM SÁT VÀ XỬ LÝ VI PHẠM****Điều 56. Thanh tra, giám sát**

1. Thành viên lưu ký, tổ chức mở tài khoản trực tiếp, nhân viên liên quan của thành viên lưu ký, tổ chức mở tài khoản trực tiếp và những nhân viên liên quan phải chịu sự giám sát của VSD và chịu sự kiểm tra, thanh tra của UBCKNN phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

2. VSD, ngân hàng thanh toán chịu sự giám sát, kiểm tra và thanh tra của UBCKNN phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 57. Xử lý vi phạm

Các hành vi vi phạm các quy định tại Thông tư này bị xử phạt theo quy định của pháp luật hiện hành.

Chương X **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 58. Tổ chức thực hiện

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2015 và thay thế cho Quyết định số 87/2007/QĐ-BTC ngày 22 tháng 10 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành Quy chế hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán và Thông tư số 43/2010/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán ban hành kèm theo Quyết định số 87/2007/QĐ-BTC ngày 22 tháng 10 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Trên cơ sở quy định tại Thông tư này, VSD ban hành các quy chế hoạt động nghiệp vụ sau khi được sự chấp thuận của UBCKNN.

3. Quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị các tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh về Bộ Tài chính để nghiên cứu, hướng dẫn, giải quyết./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Trần Xuân Hà

Phụ lục I

*(Kèm theo Thông tư số 05/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 01 năm 2015
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG LƯU KÝ CHỨNG KHOÁN

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Thông tư số 05/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán.

Đề nghị UBCKNN cấp chứng nhận hoạt động lưu ký chứng khoán cho:

1. Tên đầy đủ và chính thức của ngân hàng/công ty.
2. Tên giao dịch của ngân hàng/công ty.
3. Địa chỉ chính thức trụ sở chính của ngân hàng/công ty.
4. Địa chỉ giao dịch, số điện thoại, fax.
5. Phạm vi và nội dung hoạt động của ngân hàng/công ty nêu trong giấy chứng nhận hoạt động lưu ký chứng khoán.
6. Tên, năm sinh, quốc tịch của các thành viên hội đồng quản trị, ban giám đốc điều hành.
7. Số lượng cán bộ, nhân viên của ngân hàng/công ty.
8. Ngày dự kiến khai trương hoạt động lưu ký chứng khoán.

....., ngày... tháng... năm.....

TỔNG GIÁM ĐỐC/GIÁM ĐỐC

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Phụ lục II

(Kèm theo Thông tư số 05/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 01 năm 2015
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**THUYẾT MINH CƠ SỞ VẬT CHẤT KỸ THUẬT PHỤC VỤ
HOẠT ĐỘNG LƯU KÝ CHỨNG KHOÁN**

Ngân hàng (chi nhánh ngân hàng)/Công ty (chi nhánh công ty):

Địa chỉ:.....

1. Hệ thống máy vi tính, thiết bị phục vụ cho hoạt động lưu ký chứng khoán:

- Số lượng máy vi tính;
- Dự kiến phương pháp lưu giữ và xử lý thông tin về khách hàng; phương án lưu giữ chứng khoán lưu ký của khách hàng;
- Phương pháp cung cấp thông tin cho khách hàng, UBCKNN, TTLKCK và các cơ quan liên quan khác (thông qua hệ thống máy tính, điện thoại, telex, fax...);
- Nêu rõ tính năng, tác dụng, tình trạng, cấp độ công nghệ của trang thiết bị sử dụng và việc bố trí hệ thống máy tính này tại trụ sở làm việc.

2. Hệ thống kho két phục vụ hoạt động lưu ký chứng khoán:

- Tổng diện tích kho két; kết cấu kho két (độ dày của tường kho, số gian kho.....);
- Số lượng két sắt trong kho; kết cấu về két sắt (chất liệu, diện tích, độ an toàn.....);
- Các biện pháp đảm bảo an toàn (chống cháy, nổ, đột nhập...);
- Đội ngũ cán bộ.

*Ghi chú: Mẫu thuyết minh cơ sở
vật chất kỹ thuật của chi nhánh,
điền tên chi nhánh.*

....., ngày... tháng... năm
TỔNG GIÁM ĐỐC/GIÁM ĐỐC
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Phụ lục III

*(Kèm theo Thông tư số 05/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 01 năm 2015
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG LƯU KÝ CHỨNG KHOÁN
CHO CHI NHÁNH**

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Thông tư số 05/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số... ngày... tháng... năm..... do UBCKNN cấp.

Thay mặt Ngân hàng/Công ty..... chúng tôi đăng ký cho chi nhánh sau được thực hiện hoạt động lưu ký chứng khoán:

1. Tên đầy đủ và chính thức của chi nhánh.
2. Tên giao dịch của chi nhánh.
3. Địa chỉ chính thức trụ sở chính của chi nhánh.
4. Địa chỉ giao dịch, số điện thoại, fax.
5. Phạm vi và nội dung hoạt động chi nhánh cung cấp dịch vụ lưu ký.
6. Họ và tên của thành viên Ban giám đốc phụ trách hoạt động lưu ký chứng khoán.
7. Ngày dự kiến triển khai hoạt động lưu ký tại chi nhánh.

*Ghi chú: Trường hợp đăng ký cho
nhiều chi nhánh, thành viên lưu ký
chỉ cần gửi một đơn nhưng phải
điền đầy đủ các thông tin trên cho
từng chi nhánh.*

....., ngày... tháng... năm.....
TỔNG GIÁM ĐỐC/GIÁM ĐỐC
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Phụ lục IV

(Kèm theo Thông tư số 05/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 01 năm 2015
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY ỦY QUYỀN CHO CHI NHÁNH THỰC HIỆN
HOẠT ĐỘNG LƯU KÝ CHỨNG KHOÁN**

Ngân hàng/Công ty:

Địa chỉ:

ỦY QUYỀN CHO

Chi nhánh ngân hàng/Chi nhánh công ty:

Địa chỉ:

được tham gia vào các hoạt động liên quan đến đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán với khách hàng và Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

Chi nhánh ngân hàng/Chi nhánh công ty..... có nghĩa vụ sau:

- Phải tuân thủ theo các quy định của pháp luật về hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán.

- Thực hiện các công việc theo ủy quyền và báo cáo cho Ngân hàng/Công ty về các công việc có liên quan đến hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán tại chi nhánh.

- Chịu trách nhiệm trước Ngân hàng/Công ty..... về toàn bộ hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán trong phạm vi được ủy quyền của mình.

....., ngày... tháng... năm.....
TỔNG GIÁM ĐỐC/GIÁM ĐỐC
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Phụ lục V*(Kèm theo Thông tư số 05/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)***TÊN NGÂN HÀNG THANH TOÁN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG THANH TOÁN BÙ TRỪ CÁC GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

(Từ ngày.../.../..... đến ngày.../.../.....)

1. Các chỉ tiêu

Chỉ tiêu	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Tăng/Giảm (%)
Tiền gửi của các thành viên tham gia thị trường			
Tiền gửi thanh toán			
Tiền gửi kỳ hạn			
Tiền gửi tự doanh			
Tiền gửi môi giới			
Tổng			
Số doanh nghiệp mở tài khoản tại NHHT			
Tiền gửi tự doanh			
Tiền gửi môi giới			
Tiền gửi thanh toán bù trừ			

Chỉ tiêu	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Tăng/Giảm (%)
Doanh số thanh toán bù trừ			
Doanh số thanh toán bù trừ của SGDCK TP.HCM			
<i>Trong nước</i>			
<i>Ngoài nước</i>			
Doanh số thanh toán bù trừ của SGDCK HN			
<i>Trong nước</i>			
<i>Ngoài nước</i>			

2. Tồn tại, kiến nghị

NGƯỜI LẬP BÁO CÁO

TỔNG GIÁM ĐỐC